TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 03-10-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1978; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Thế V, sinh năm 1976; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H P, xã A H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim C trình bày:

Chị và anh V chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T B. Sau khi cưới, vợ chồng sống tự lập tại khu phố L A, thị trấn T B đến năm 2016 thì vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng tại ấp H P, xã A H đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con đầu lòng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh V không phụ giúp gì

cho chị mà còn ham mê cờ bạc, cá độ đá bóng gây nợ nần. Vợ chồng phải bán nhà tại khu phố L A, thị trấn T B để trả nợ. Chị C đã hai lần nộp đơn xin ly hôn anh V tại Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng nhưng sau đó chị đã rút đơn để cho anh V cơ hội sửa đổi, nhưng anh V vẫn không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 đến nay mà không ai có thiện chí đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên: Bùi Yến N1, sinh ngày 21-6-2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết; Bùi Yến T, sinh ngày 22-7-2005 và Bùi Yến N2, sinh ngày 01-8-2009 hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cho anh V được quyền nuôi dưỡng cháu T và cháu N2, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Thế V trình bày:

Nhận thấy, anh V thừa nhận lời trình bày của chị C về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Theo anh giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân chị C yêu cầu ly hôn anh là do chị C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Anh thừa nhận có chơi cá độ đá bóng bị Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng xử phạt số tiền 35.000.000 đồng vào năm 2018 nhưng anh chỉ mới bắt đầu chơi gần đây. Anh vẫn đi làm, vẫn phụ chị C lo chi tiêu trong gia đình. Chị C trình bày anh chơi cờ bạc gây nợ phải bán nhà để trả nợ là không đúng, việc vợ chồng phải bán nhà trả nợ là do vợ chồng làm ăn thua lỗ.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Cháu Bùi Yến N1, sinh ngày 21-6-2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Yến T, sinh ngày 22-7-2005 và Bùi Yến N2, sinh ngày 01-8-2009, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim C yêu cầu được ly hôn anh Bùi Thế V.

Về con chung: Cháu Bùi Yến N1, sinh ngày 21-6-2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Yến T, sinh ngày 22-7-2005 và Bùi Yến N2, sinh ngày 01-8-2009 cho anh V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh V không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Thế V vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh V chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T B. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị C hai lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn lại. Tuy nhiên, sau khi chị C rút đơn ly hôn, vợ chồng vẫn không chung sống hạnh phúc được và tự ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Chị C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V ham mê cờ bạc, không lo cho gia đình. Anh V cho rằng chị C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay chị C yêu cầu ly hôn và anh V cũng đồng ý ly hôn nhưng anh V vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh V trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Bùi Yến N1, sinh ngày 21-6-2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Yến T, sinh ngày 22-7-2005 và Bùi Yến N2, sinh ngày 01-8-2009. Toà án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu T và cháu N2, cả hai cháu đều có nguyện vọng được theo sống với anh V. Chị C cũng đồng ý giao cháu T và cháu N2 cho anh V nuôi dưỡng. Vì vậy, có cơ sở giao anh V được quyền nuôi dưỡng cháu T và cháu N2 là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh V không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim C được ly hôn anh Bùi Thế V.

2. Về con chung: Cháu Bùi Yến N1, sinh ngày 21-6-2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao anh Bùi Thế V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Yến T, sinh ngày 22-7-2005 và Bùi Yến N2, sinh ngày 01-8-2009.

Ghi nhận anh V không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017241 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị C đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị C biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND thị trấn T B;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc